

NGHIÊN CỨU TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN TRONG XÂY DỰNG BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ DẠY HỌC VĂN MIÊU TẢ Ở LỚP 3 TẠI THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Thị Vân, Phạm Thị Thim, Nguyễn Minh Cần*
Trường Đại học Phạm Văn Đồng
Email: nmcan@pdu.edu.vn

Tóm tắt: Sử dụng truyền thông đa phương tiện trong xây dựng bài giảng điện tử dạy học văn miêu tả là việc tích hợp các yếu tố đa phương tiện như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video vào bài giảng. Bài báo này khảo sát thực trạng sử dụng truyền thông đa phương tiện trong bài giảng điện tử dạy văn miêu tả lớp 3 tại một số trường tiểu học ở TP. Quảng Ngãi và thực nghiệm sư phạm một số tiết dạy sử dụng bài giảng điện tử tăng cường truyền thông đa phương tiện trong dạy văn miêu tả. Kết quả cho thấy việc tăng cường sử dụng truyền thông đa phương tiện đã giúp học sinh cải thiện được vốn từ vựng, khả năng dùng từ, biện pháp tu từ, nâng cao kỹ năng viết văn miêu tả và mang lại hứng thú cho học sinh trong học tập.

Từ khóa: Bài giảng điện tử, lớp 3, truyền thông đa phương tiện, văn miêu tả

RESEARCH ON ENHANCING THE USE OF MULTIMEDIA IN DEVELOPING ELECTRONIC LESSON PLANS FOR TEACHING DESCRIPTIVE WRITING TO GRADE 3 STUDENTS IN QUANG NGAI CITY

Nguyen Thi Bich Ha, Nguyen Thi Van, Pham Thi Thim, Nguyen Minh Can*
Pham Van Dong University
Email: nmcan@pdu.edu.vn

Abstract: The application of multimedia in the development of digital lectures for teaching descriptive writing is the integration of various multimedia elements, including text, images, audio, and video, into instructional content. This study investigates the current practices of utilizing multimedia in digital presentation for teaching descriptive writing to third-grade students in Quang Ngai City, and implements a pedagogical experiment with multimedia-enhanced digital presentation in teaching descriptive writing. The results indicate that the intensified use of multimedia significantly improved student's vocabulary acquisition, lexical usage, employment of rhetorical devices, and overall proficiency in descriptive writing, while simultaneously fostering greater engagement and motivation in the learning process.

Keyword: descriptive writing, digital lectures, multimedia, third-grade

Nhận bài: 09/04/2025

Phản biện: 09/05/2025

Duyệt đăng: 13/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chương trình giáo dục tiểu học, môn Tiếng Việt chiếm thời lượng cao nhất, 1.505 tiết trong 5 năm học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Đây là môn học chính, đóng vai trò then chốt trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh (HS). Văn miêu tả (VMT) là một trong những nội dung rất quan trọng trong chương trình Tiếng Việt ở bậc tiểu học nói chung và chương trình lớp 3 nói riêng. Theo Đào Duy Anh (1998), miêu tả là cách dùng từ ngữ hoặc hình ảnh để thể hiện rõ bản chất thật sự của một sự vật, hiện tượng nào đó – không chỉ là cái nhìn bên ngoài, mà là cái “thân”, cái cốt lõi bên trong (Đào Duy Anh, 1998). Theo Chu Thị Hà Thanh và Vũ Thị Yên Nhi (2024), VMT là kiểu văn dùng lời để vẽ ra hình ảnh của sự vật, hiện tượng sao cho người đọc có thể tưởng tượng rõ ràng như đang nhìn thấy tận mắt, chạm được tận tay (Chu Thị Hà Thanh & Vũ Thị Yên Nhi, 2024). Một cách khái quát, VMT là một hình thức văn học dùng ngôn từ hoặc hình ảnh để khơi gợi và tái hiện sinh động một sự vật, hiện tượng hay

khung cảnh, vừa bộc lộ bản chất nội tại, vừa dẫn dắt người đọc vào không gian tưởng tượng, qua đó tạo nên ấn tượng sâu sắc và trải nghiệm cảm xúc phong phú cho người đọc (Đào Duy Anh, 1998; Lê Thị Lan Anh & Trần Thị Minh Thảo, 2024; Phan Thị Hương Giang & Trần Thị Quỳnh Nga, 2024; Vũ Tú Nam et al., 2004)

Nội dung VMT ở các lớp 2 đến 5 với các cấp độ yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết khác nhau. Trong đó, chương trình Tiếng Việt ở lớp 3 HS chủ yếu yêu cầu viết một số câu hoặc đoạn văn ngắn, chưa cần hoàn chỉnh thành bài văn, văn bản. Quy trình viết một bài VMT ở lớp 3 theo trình tự: (1) Xác định nội dung viết; (2) Hình thành các ý chính; (3) hoàn chỉnh đoạn văn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Một số tác giả đề xuất việc sử dụng nhiều phương pháp tích cực để giảng dạy chủ đề văn miêu tả ở bậc tiểu học như sử dụng sơ đồ tư duy, hoạt động trải nghiệm (Lê Thị Lan Anh & Trần Thị Minh Thảo, 2024), tiếp cận đa giác quan (Phan Thị Hương Giang & Trần Thị Quỳnh Nga,

2024). Nhìn chung, để viết tốt bài VMT, yêu cầu HS phải quan sát được đối tượng cần miêu tả vừa bao quát, vừa tỉ mỉ, kết hợp cả nghe, nhìn, ở cả dạng tĩnh và động, quan sát một cách có phương pháp, trình tự (Lê Thị Lan Anh & Trần Thị Minh Thảo, 2024; Phan Thị Hương Giang & Trần Thị Quỳnh Nga, 2024; Trịnh Cam Ly, 2018).

Tuy nhiên, HS chưa có nhiều điều kiện để quan sát kỹ đối tượng miêu tả, thường chỉ quan sát bề ngoài mà thiếu sự tập trung vào các chi tiết nhỏ, các đặc điểm riêng biệt của đối tượng. Quá trình quan sát chưa theo trình tự, thấy gì tả đó nên bài văn mang đậm văn nói, thiếu vốn từ ngữ phong phú để diễn đạt ý tưởng của mình. Các bài viết thường bị lỗi lặp từ, lặp ý khiến bài văn trở nên nhàm chán. Các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa,... là những công cụ giúp bài viết sinh động, cuốn hút hơn chưa được sử dụng nhiều. Đối với HS thành phố, khó khăn chính phổ biến là thiếu trải nghiệm về đối tượng miêu tả, dẫn đến bài viết ít cảm xúc. Đây là một thách thức lớn đối với giáo viên (GV) khi hướng dẫn HS làm bài văn miêu tả (Trịnh Cam Ly, 2018).

TTĐPT là nhóm các yếu tố bao gồm sử dụng nhiều phương tiện để giao tiếp và tương tác với khán giả hay đối tượng cần truyền tải nội dung. TTĐPT thường được dùng để chỉ sự kết hợp của các dữ liệu như: Văn bản, âm thanh, hình ảnh, hình động và video (Abdulrahman et al., 2020; Cao Cự Giác, 2010). Giảng dạy sử dụng TTĐPT là sử dụng tổng hợp các loại hình thông tin như: văn bản, tranh ảnh, âm thanh, video và sắp xếp theo tiến trình bài dạy để giúp HS theo dõi và tiếp nhận thông tin (Nguyễn Ngọc Lưu Ly & Quách Thị Nga, 2017). Việc sử dụng TTĐPT trong dạy học giúp tăng cường hứng thú học tập cho HS (Trần Thúy Nga, 2022). Theo chúng tôi, việc sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT có thể tạo môi trường học tập sinh động, hỗ trợ HS dễ dàng quan sát, hình dung một cách đầy đủ, chi tiết, chân thật về đối tượng miêu tả, từ đó kích thích trí tưởng tượng, phát triển vốn từ và nâng cao chất lượng bài viết qua việc sử dụng được câu từ có biện pháp tu từ đơn giản như nhân hóa, so sánh. Đặc biệt, với lứa tuổi lớp 3 giai đoạn trẻ tiếp nhận mạnh qua trực quan

sinh động thì việc ứng dụng TTĐPT có thể mang lại hiệu quả rõ rệt. Do đó, bài báo này nghiên cứu khảo sát thực trạng sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT ở lớp 3 tại Thành phố Quảng Ngãi (TPQN) và thực nghiệm sư phạm (TNSP) quy trình tăng cường sử dụng TTĐPT trong xây dựng bài giảng điện tử (BGĐT) dạy học VMT trong chương trình lớp 3 ở một số trường tiểu học tại TPQN.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Nghiên cứu thực trạng sử dụng TTĐPT trong BGĐT dạy học VMT lớp 3 ở TPQN

2.1.1. Phương pháp khảo sát

Khảo sát bằng phiếu khảo sát trực tiếp và khảo sát online trên đối tượng GV (GV) và HS (HS) lớp 3 các trường Tiểu học ở TP. Quảng Ngãi về mức độ và hiệu quả áp dụng TTĐPT trong dạy học văn thông qua khảo sát các tiêu chí:

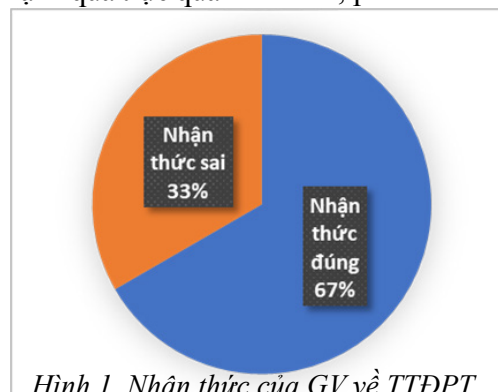
- Tần suất sử dụng TTĐPT trong dạy học văn
- Loại hình và số lượng yếu tố TTĐPT được sử dụng
- Khó khăn của GV khi áp dụng TTĐPT trong dạy học VMT
- Hiệu quả của TTĐPT trong dạy học VMT

Các số liệu được thu thập và xử lý bằng các thuật toán kiểm định nhiều tỉ lệ bằng công cụ Cochran's Q Test và McNemar test, phân tích phương sai một nhân tố trong phần mềm SPSS 20.

2.1.2. Kết quả khảo sát

2.1.2.1. Kết quả nhận thức về TTĐPT của GV đang dạy lớp 3

Nhận thức của GV về TTĐPT được đánh giá qua câu hỏi về khái niệm TTĐPT. Kết quả khảo sát được trình bày ở biểu đồ tại Hình 1. Theo kết quả thì tỉ lệ nhận thức đúng về TTĐPT cao gấp đôi so với nhóm nhận thức còn mơ hồ. Điều này phản ánh đa số GV có nhận thức đúng về TTĐPT. Tuy nhiên, tỷ lệ nhận thức còn mơ hồ cũng khá cao, chiếm 33% trên tổng số 55 GV được khảo sát. Các GV thường nhầm lẫn khái niệm TTĐPT, nghĩa là sử dụng phối hợp nhiều phương tiện truyền tải thông tin gồm văn bản, video, hình ảnh tĩnh và ảnh động, âm thanh với các nền tảng kỹ thuật số trong truyền thông như truyền hình, internet, máy chiếu, phần mềm thuyết trình.



Hình 1. Nhận thức của GV về TTĐPT

2.1.2.2. Tần suất sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT ở lớp 3

Chúng tôi đánh giá đúng tần suất sử dụng TTĐPT của GV cũng như trải nghiệm được học tập qua TTĐPT của HS thông qua câu hỏi đánh giá tần suất sử dụng của GV và tần số tiếp xúc với yếu tố TTĐPT như hình ảnh, âm thanh, video của HS trong BGĐT VMT lớp 3. Kết quả khảo sát ở đồ thị tại Hình 2 cho thấy mức độ sử dụng TTĐPT khá cao, với tỉ lệ GV sử dụng TTĐPT “thường xuyên” và “rất thường xuyên” chiếm đến 63.7%. Trong khi đó, tổng số lượng HS trả lời được học tập VMT với yếu tố TTĐPT ở mức “thường xuyên” và “rất thường xuyên” là 44.6%, ở mức thỉnh thoảng chiếm 52.7% nhận định ở mức độ thỉnh thoảng trên tổng số 55 GV được khảo sát điều này cho thấy có sự chênh lệch giữa tần suất sử dụng thực tế của GV và trải nghiệm học tập của HS. Sự chênh lệch tỷ lệ này có thể do HS chưa có nhiều ấn tượng về các yếu tố TTĐPT mà GV cung cấp, dẫn đến các em không thể nhớ chính xác về tần suất tiếp xúc với TTĐPT, hoặc do chưa phân biệt yếu tố TTĐPT dùng trong VMT với các hình ảnh để trang trí nền, làm đẹp cho BGĐT. Qua tham khảo một số BGĐT của GV, chúng tôi nhận thấy các yếu tố TTĐPT được sử dụng còn đơn giản và rời rạc nên chưa tạo ra ấn tượng, hiệu quả mạnh mẽ đối với HS.

2.1.2.3. Số lượng phương tiện ngoài văn bản (PTNVB) được sử dụng trong BGĐT VMT ở lớp 3 tại TP. Quảng Ngãi

Tác giả khảo sát số lượng PTNVB, bao gồm hình ảnh (cả tĩnh và động), âm thanh, video trung bình được sử dụng trong BGĐT VMT. Kết quả khảo sát cho thấy đa số BGĐT VMT có 54.5% GV sử dụng tổng số dưới 3 PTNVB trong một BGĐT, 30.3 % GV sử dụng 3-7 và 6.1% GV sử dụng trên 7 PTNVB, có 9.1% GV chỉ sử dụng văn bản trong BGĐT. Kết quả này khá tương đồng với kết quả khảo sát của HS, với tỷ lệ HS được xem số PTNVB trung bình trong BGĐT giờ học VMT với số lượng trên 7 PTNVB là 4.1%, từ 3-7 là 41.9%, dưới 3 là 51.4% và không được xem là 2.7%. Kết quả xử lý Cochran's Q Test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa giữa các tỷ lệ. Điều này cho thấy số lượng PTNVB được sử dụng trong dạy VMT ở lớp 3 tại TP. Quảng Ngãi còn tương đối thấp, chủ

yếu ở mức dưới 3 PTNVB trong một BGĐT. Với số lượng PTNVB thấp như vậy, việc hỗ trợ quan sát đối tượng miêu tả, hình thành nên liên tưởng giữa hình ảnh cần miêu tả và các từ vựng, biện pháp tu từ của HS sẽ gặp khó khăn.

2.1.2.4. Các loại PTNVB được sử dụng trong dạy học VMT ở lớp 3 tại TP. Quảng Ngãi

Chúng loại PTNVB được GV dùng trong BGĐT trong VMT lớp 3. Kết quả kiểm định Cochran's Q Test cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa trong tỷ lệ sử dụng các PTNVB. Tranh, ảnh là PTNVB được sử dụng phổ biến nhất. Tỷ lệ sử dụng video là 42.4%, âm thanh 24.2% ít được sử dụng.

2.1.2.5. Những khó khăn của GV trong việc sử dụng TTĐPT để dạy học VMT ở lớp 3.

Để đánh giá đúng khó khăn của GV trong việc sử dụng TTĐPT, chúng tôi tiến hành khảo sát những khó khăn GV gặp phải khi sử dụng PTNVB khi xây dựng BGĐT VMT. Kết quả kiểm định Cochran's Q Test cho thấy mức độ khó khăn là khác nhau ở các yếu tố khác nhau. Khó khăn lớn nhất của GV khi sử dụng TTĐPT trong xây dựng BGĐT là tốn thời gian chuẩn bị bài giảng, với tỷ lệ GV xác định là 48,5%. Những khó khăn tiếp theo lần lượt là khó kiểm soát HS trong dạy học và 36,4% thiếu kỹ năng CNTT, hạn chế về cơ sở vật chất với tỷ lệ GV xác định lần lượt là 39,4%; 36,4% và 24,2%. GV ít gặp khó khăn trong việc giúp HS làm quen với TTĐPT và tìm kiếm tài nguyên nội dung kỹ thuật số.

2.1.2.6. Hiệu quả chung khi sử dụng yếu tố TTĐPT trong dạy học VMT ở lớp 3

Hiệu quả chung khi sử dụng yếu tố TTĐPT đối với GV và HS được đánh giá chung qua việc trả lời câu hỏi về hiệu quả sử dụng kết hợp PTNVB trong dạy học VMT. Kết quả khảo sát cho thấy tất cả GV được khảo sát đồng ý rằng việc sử dụng TTĐPT trong dạy VMT có hiệu quả ở các mức độ khác nhau, trong đó có 57,6% GV cho rằng hiệu quả rất tốt, 39,4% GV cho rằng hiệu quả khá tốt, 3% GV nhận định ít hiệu quả. Kết quả này khá tương đồng với phần đánh giá của HS với 94,6% HS cho rằng hoạt động có hiệu quả rất tốt và khá tốt. Điều này cho thấy cả GV và HS tại TPQN đánh giá rất cao việc sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT.

2.1.2.7. Hiệu quả cụ thể khi sử dụng TTĐPT trong BGĐT dạy VMT ở lớp 3

Nhận định về hiệu quả từng mặt khi sử dụng TTĐPT trong BGĐT dạy VMT ở lớp 3 của GV và HS tại TPQN được thể hiện ở đồ thị. Kết quả kiểm định Cochran's Q Test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các tỷ lệ. Đa số GV cho rằng sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT có hiệu quả rõ rệt ở các mặt mở rộng vốn từ, tạo hứng thú, hỗ trợ hình dung nội dung bài viết với tỉ lệ lần lượt là 78,8%, 75,8%, 69,7%, việc sử dụng TTĐPT ít có tác dụng trong việc hỗ trợ HS phát triển ý tưởng viết văn. Theo kết quả đa số HS cũng cho rằng TTĐPT đem lại hiệu quả cao ở các mặt tạo hứng thú học tập, chiếm 62%, giúp dễ dàng tưởng tượng, so sánh, nhân hóa, chiếm 60,8%, hỗ trợ học thêm từ vựng chiếm 59,5%.

Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy việc sử dụng TTĐPT trong BGĐT dạy học VMT được cả GV và HS ở TPQN đánh giá là mang lại hiệu quả cao, đặc biệt là ở hiệu quả nâng cao hứng thú học tập, giúp học sinh mở rộng vốn từ, tăng cường sự tưởng tượng để sử dụng các biện pháp tu từ. Tuy nhiên, việc soạn BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT cũng gây ra một số khó khăn cho GV, đáng chú ý nhất là việc xây dựng BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT mất nhiều thời gian chuẩn bị, nên mức độ áp dụng của GV trong thực tế giảng dạy VMT ở lớp 3 tại TPQN vẫn còn hạn chế. Do đó, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu quy trình xây dựng BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT ở lớp 3 và xây dựng một số BGĐT theo các nội dung chính trong sách giáo khoa lớp 3 để tạo ra ngân hàng cung cấp cho GV, giúp cho việc vận dụng được dễ dàng và góp phần nâng cao chất lượng dạy học VMT chương trình lớp 3 tại TPQN.

2.2. Nghiên cứu TNSP BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT lớp 3 tại TPQN

2.2.1. Phương pháp thực hiện

2.2.1.1. Xây dựng một số BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT để dạy VMT ở lớp 3

Chúng tôi xây dựng một số BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT để dạy học VMT theo quy trình gồm 6 bước sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu bài học: xác định rõ nội dung, yêu cầu cần đạt, kết quả mong muốn ở HS sau khi kết thúc bài học, mục tiêu được xác

định dựa vào nội dung bài học và các tài liệu liên quan.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch bài dạy: Đây là bước lập kế hoạch chi tiết về tiến trình dạy học: Xác định các hoạt động dạy- học cụ thể, phân chia thời lượng hợp lý, lựa chọn phương tiện và nội dung cho phù hợp.

Bước 3: Phân loại từng đơn vị kiến thức cần khai thác để tìm nguồn PTNVB phù hợp: Ở bước này xác định những nội dung nào cần có thêm tranh ảnh, video, âm thanh,... nhằm tăng cường hứng thú cho HS

Bước 4: Tìm kiếm các PTNVB: sưu tầm các tư liệu hình ảnh, văn bản, âm thanh, video phù hợp với nội dung bài học, giúp minh họa và làm rõ các kiến thức trọng tâm. Các BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT của chúng tôi sử dụng khoản từ 30 – 50 PTNVB.

Bước 5: Xây dựng BGĐT: Tiến hành xây dựng BGĐT gồm các phần: Khởi động, khám phá, luyện tập, vận dụng. Trong đó sử dụng các PTNVB đã sưu tầm phù hợp trong từng phần, sắp xếp các PTNVB theo bố cục phù hợp để giúp HS quan sát được đối tượng miêu tả từ bao quát đến cụ thể, sử dụng các hiệu ứng để nhấn mạnh các đặc điểm cần miêu tả, các hình ảnh để khơi gợi sự liên tưởng, so sánh. BGĐT được xây dựng theo nguyên tắc đặt vấn đề, trong đó, chúng tôi cung cấp hình ảnh, một vài từ vựng gợi ý và cho HS tự đặt câu, hoặc trả lời câu hỏi để giải quyết vấn đề. Sau đó BGĐT sẽ cung cấp câu, đoạn văn mẫu để HS tham khảo.

Bước 6: Trình chiếu thử, sửa chữa và hoàn thiện: Ở bước này tiến hành thử nghiệm trình chiếu bài giảng, phát hiện và điều chỉnh cho phù hợp (nếu có).

2.2.1.2. Tiến hành giảng dạy và đánh giá kết quả

Tác giả tiến hành TNSP việc dạy học VMT sử dụng các BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT đã xây dựng theo quy trình ở Hình 8 và sử dụng các BGĐT thông thường tương tự BGĐT HS được học trước đó trên 62 HS lớp 3 ở TPQN. Phương pháp TNSP sử dụng là phương pháp lập, các nhóm HS lớp 3 sẽ được học đồng thời một tiết học với BGĐT thông thường (Đối chứng) và một tiết với BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT (Thực nghiệm). Kết quả TNSP được đánh giá qua bài viết của HS sau khi học. Các tiêu chí đánh giá,

điểm toàn bài là điểm trung bình cộng của các tiêu chí. Đánh giá bao gồm 10 mức điểm (2–10) với 10 tiêu chí cụ thể, phản ánh các mức độ phát triển bài viết miêu tả của học sinh từ yếu đến xuất sắc. Mỗi tiêu chí được mô tả rõ theo từng mức điểm.

Các tiêu chí đánh giá gồm:

1. Nội dung bám sát chủ đề

→ Đánh giá mức độ rõ ràng, tập trung và chiều sâu của nội dung theo chủ đề.

2. Cách mở đoạn/kết đoạn/bài

→ Đánh giá khả năng giới thiệu và kết luận bài viết một cách logic, hấp dẫn, có liên kết.

3. Độ dài trung bình mỗi câu

→ Xem xét câu văn có đủ độ dài, phong phú và thể hiện tư duy logic hay chưa.

4. Số câu trong một đoạn hoặc bài

→ Số lượng và sự kết nối giữa các câu thể hiện sự chặt chẽ về mặt cấu trúc.

5. Sử dụng biện pháp tu từ

→ Đánh giá việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong diễn đạt (ẩn dụ, hoán dụ...).

6. Sử dụng từ vựng phong phú

→ Mức độ đa dạng, chính xác và sáng tạo trong sử dụng từ vựng.

7. Sử dụng liên từ, trạng ngữ tăng tính liên kết

→ Khả năng liên kết câu, đoạn bằng liên từ, trạng ngữ hợp lý.

8. Thể hiện tình cảm, cảm xúc cá nhân trong câu

→ Đo lường cảm xúc, cá tính, văn phong biểu đạt trong bài viết.

9. Độ chính xác về chính tả và ngữ pháp

→ Kiểm tra mức độ lỗi chính tả, ngữ pháp ảnh hưởng đến nghĩa của bài.

10. Cách triển khai ý tưởng

→ Đánh giá sự phát triển ý tưởng: có logic, rõ ràng, sáng tạo và gắn kết không.

Tổng quan điểm số:

2–4 điểm: Bài yếu, lệch đề, thiếu logic, nhiều lỗi.

6 điểm: Bài trung bình – có nội dung nhưng còn hạn chế ở cách triển khai và diễn đạt.

8 điểm: Bài khá – rõ ý, có cảm xúc, tổ chức tốt nhưng chưa thật sự nổi bật.

10 điểm: Bài tốt – đầy đủ, mạch lạc, sáng tạo, cảm xúc, ít lỗi và thể hiện tư duy rõ nét.

Bảng tiêu chí giúp giáo viên đánh giá chi tiết,

toàn diện năng lực viết miêu tả của học sinh theo từng mức độ, từ hình thức đến nội dung, từ ngôn ngữ đến cảm xúc. Đây là công cụ hữu hiệu để hướng dẫn, định hướng cải thiện kỹ năng viết một cách cụ thể và khoa học.

Điểm toàn bài và điểm các tiêu chí nhỏ giữa 2 nhóm bài được so sánh sự khác biệt thống kê bằng kiểm định T-test với phần mềm SPSS 20.

2.2.2. Kết quả TNSP

Kết quả TNSP áp dụng BGĐT tăng cường TTĐPT trong dạy học VMT ở lớp 3 tại TPQN được trình bày trong đồ thị ở Hình 9. Kết quả so sánh sự sai khác giá trị điểm trung bình ở điểm số trung bình chung và điểm đánh giá từng tiêu chí bằng kiểm định T-test cho thấy có sự khác biệt thống kê rõ ràng giữa tất cả các tiêu chí đánh giá kết quả bài viết ở nhóm thực nghiệm áp dụng BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT so với đối chứng, với độ tin cậy rất cao ($<0,01$). Như vậy, việc áp dụng BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT ở lớp 3 đã làm gia tăng rõ rệt chất lượng bài viết nói chung và các kỹ năng cụ thể trong viết văn miêu tả nói riêng.

Để so sánh mức độ tác động của việc áp dụng BGĐT tăng cường TTĐPT trong dạy học VMT lên từng mặt cụ thể trong kỹ năng viết VMT của HS, tác giả so sánh mức độ gia tăng điểm số trung bình của từng tiêu chí với nhau, bằng cách tính hiệu số điểm các tiêu chí của từng bài và tính trung bình. Kết quả được trình bày tại đồ thị Hình 10. Kết quả phân tích phương sai một nhân tố cho thấy việc sử dụng BGĐT tăng cường TTĐPT trong dạy học VMT có tác động không giống nhau lên các tiêu chí đánh giá của bài VMT ở HS lớp 3. Trong đó, yếu tố gia tăng cao nhất nhất là năng lực sử dụng biện pháp tu từ chứng tỏ TTĐPT đã phần nào kích thích ở HS sự tư duy hình tượng trong sử dụng các BPTT như so sánh, nhân hóa, tiếp theo là cải thiện sự đa dạng, sinh động của từ vựng được sử dụng. Việc được tiếp cận đối tượng miêu tả qua BGĐT tăng cường TTĐPT cũng góp phần khơi gợi cảm xúc, tạo hứng thú, khiến các em thể hiện tình cảm một cách chân thực hơn trong bài viết, giúp các em phát triển tốt ý tưởng viết bài, khả năng liên kết. Các yếu tố chính tả, ngữ pháp, độ dài đoạn văn, câu văn có gia tăng nhưng mức độ gia tăng không đáng kể.

Như vậy, việc dạy học VMT ở lớp 3 áp dụng BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT giúp HS quan sát tốt hơn đối tượng cần miêu tả, từ đó có nhiều tác động tích cực đến chất lượng bài viết của HS, trong đó tác động mạnh nhất đến khả năng sử dụng biện pháp tu từ và từ vựng của HS. Kết quả này phù hợp và chứng minh nhận định của nhiều tác giả trước đó về vai trò của việc quan sát, cảm nhận đối với việc học VMT ở bậc tiểu học (Lê Thị Lan Anh & Trần Thị Minh Thảo, 2024; Phan Thị Hương Giang & Trần Thị Quỳnh Nga, 2024; Trịnh Cam Ly, 2018).

III. KẾT LUẬN

Việc ứng dụng BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT để rèn luyện kỹ năng viết VMT cho HS lớp 3 tại TPQN được đa số GV và HS đánh giá cao nhưng quá trình thực hiện còn những mặt hạn chế,

chủ yếu do GV mất nhiều thời gian, công sức trong việc xây dựng bài giảng. Chúng tôi đã xây dựng quy trình thiết kế BGĐT tăng cường TTĐPT để dạy học VMT và xây dựng một số BGĐT để bước đầu hình thành ngân hàng BGĐT nhằm cung cấp một số BGĐT bám sát chương trình sách giáo khoa lớp 3 để hỗ trợ GV đưa vào giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng dạy học VMT lớp 3 tại TPQN. Kết quả TNSP cho thấy việc sử dụng BGĐT tăng cường TTĐPT đã mang lại hiệu quả cao trong việc cải thiện chất lượng bài VMT của HS. Việc tiếp tục nghiên cứu, xây dựng thêm ngân hàng BGĐT tăng cường sử dụng TTĐPT trong dạy học VMT ở lớp 3 nói riêng và tiểu học nói chung là một hướng nghiên cứu có giá trị, hỗ trợ GV tiết kiệm được nhiều công sức trong việc soạn giảng và góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy VMT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abdulrahaman, M. D., Faruk, N., Oloyede, A. A., Surajudeen-Bakinde, N. T., Olawoyin, L. A., Mejabi, O. V., Imam-Fulani, Y. O., Fahm, A. O., & Azeez, A. L. (2020). Multimedia tools in the teaching and learning processes: A systematic review. *Heliyon*, 6(11), e05312. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2020.e05312>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn ban hành kèm theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.
- Cao Cự Giác. (2010). Giáo trình ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học hóa học. NXB Đại học Vinh.
- Chu Thị Hà Thanh, & Vũ Thị Yến Nhi. (2024). Rèn luyện năng lực sử dụng từ ngữ miêu tả tính chất, trạng thái thể hiện ý nghĩa “cực cấp” trong luyện viết văn miêu tả cho học sinh lớp 4, 5. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh*, 53, 81-92.
- Đào Duy Anh. (1998). Từ điển Hán - Việt. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Lê Thị Lan Anh, & Trần Thị Minh Thảo. (2024). Phát triển năng lực viết Văn miêu tả cho học sinh lớp 4. *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, 1(322), 86-89.
- Nguyễn Ngọc Lưu Ly, & Quách Thị Nga. (2017). Vài nét về việc sử dụng truyền thông đa phương tiện trong giảng dạy tiếng trung quốc trình độ sơ cấp tại khoa ngoại ngữ - đại học Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 174(14), 55-60.
- Phan Thị Hương Giang, & Trần Thị Quỳnh Nga. (2024). Tiếp cận đa giác quan và dạy học viết văn miêu tả ở tiểu học theo hướng tiếp cận đa giác quan. *Tạp chí Giáo dục*, 24(18), 24-29.
- Trần Thúy Nga. (2022). Một số vấn đề về sử dụng đa phương tiện trong dạy học môn Toán ở trường Tiểu học (Chương trình 2018). *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 18(7), 39-39.
- Trịnh Cam Ly. (2018). Dạy học tập làm văn miêu tả cho học sinh lớp 4,5, *tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. 63(8), 28-40.
- Vũ Tú Nam, Phạm Hồ, Bùi Hiền, & Nguyễn Quang Sáng. (2004). Văn miêu tả và văn kể chuyện. Nhà xuất bản Giáo dục.